

Số: /BGTVT-KHĐT

Hà Nội, ngày tháng năm 2022

V/v: Đề nghị phối hỗ trợ cung cấp thông tin, hồ sơ tài liệu liên quan phục vụ công tác lập quy hoạch kỹ thuật, chuyên ngành.

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh .....

Triển khai Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng biển Việt Nam thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1579/QĐ-TTg ngày 22/9/2021, Bộ Giao thông vận tải đã giao Cục Hàng hải Việt Nam chủ trì lập các quy hoạch kỹ thuật, chuyên ngành<sup>1</sup>.

Nhằm đảm bảo chất lượng công tác lập các quy hoạch, đồng bộ với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội và các quy hoạch có liên quan của địa phương thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, Bộ GTVT trân trọng đề nghị Quý Ủy ban chỉ đạo các cơ quan phối hợp cung cấp các thông tin<sup>2</sup> cho Cục Hàng hải Việt Nam để nghiên cứu, tổng hợp trong quá trình Cục Hàng hải Việt Nam chủ trì lập các quy hoạch kỹ thuật, chuyên ngành.

Giao Cục Hàng hải Việt Nam chủ động tích cực phối hợp chặt chẽ với các cơ quan liên quan của địa phương trong quá trình thực hiện, đáp ứng chất lượng, tiến độ quy hoạch theo yêu cầu.

Bộ GTVT trân trọng cảm ơn và mong nhận được sự quan tâm phối hợp giải quyết kịp thời của Quý Ủy ban./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Cục Hàng hải Việt Nam (để thực hiện);
- Lưu VT, KHĐT (Thành).

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG****Nguyễn Xuân Sang**

<sup>1</sup> Gồm: i) Quy hoạch chi tiết nhóm cảng biển, bến cảng, cầu cảng, bến phao, khu nước, vùng nước thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; ii) Quy hoạch phát triển hệ thống cảng cạn thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; iii) Quy hoạch chi tiết phát triển vùng đất, vùng nước cảng biển thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

<sup>2</sup> Gồm: i) Hiện trạng, định hướng quy hoạch và các giải pháp phát triển cảng biển, cảng cạn tại địa phương; ii) Hồ sơ quy hoạch Tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 (thuyết minh và các bản vẽ quy hoạch); iii) Thông tin hiện trạng và bản đồ quy hoạch hệ thống giao thông vận tải, các Khu công nghiệp và cụm công nghiệp tại địa phương; iv) Các đồ án quy hoạch phân khu đã và đang triển khai thực hiện; v) Các dự án đang triển khai, kêu gọi đầu tư liên quan đến cảng biển, các dự án khu công nghiệp, khu kinh tế, trung tâm logistics, cảng cạn, KCHT giao thông kết nối gồm: Kế hoạch, quy mô, tiến trình thực hiện, nguồn vốn....





### 3. Biểu mẫu điều tra đơn vị quản lý và khai thác khu công nghiệp/ khu chế xuất

*Tên khu công nghiệp/ chế xuất:*

*Địa chỉ:*

*Vị trí tọa độ tâm vùng theo google map (VD: 13.857909323054528, 109.17175452972272)*

*Năm thành lập:*

*Các ngành nghề kinh doanh chính:*

*Bảng 03-A: dữ liệu về diện tích các năm (2020 – 2021)*

Năm	Số lượng các DN đang hoạt động	Diện tích khu công nghiệp (ha)		
		Diện đất tích tự nhiên	Diện tích có thể cho thuê	Diện tích đã cho thuê
2020				
2021				

*Bảng 03-B: Định hướng Quy hoạch trong tương lai:*

Năm	Diện tích đất tự nhiên (ha)	Diện tích có thể cho thuê (ha)	Tỷ lệ lấp đầy dự kiến (%)
2030			
2050			

*Bảng 03-C: dữ liệu chi tiết các doanh nghiệp hoạt động trong khu CN (năm 2020- 2021)*

STT	Tên Dự án	Chủ đầu tư	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Quy mô/công suất (tấn(m <sup>3</sup> )/năm)	Tình hình triển khai	Địa điểm thực hiện



## 3. Biểu mẫu điều tra doanh nghiệp sản xuất hàng hóa

Tên doanh nghiệp

Địa chỉ sản xuất/kho hàng hóa:

Các mặt hàng sản xuất kinh doanh chính:

Bảng 03: dữ liệu về tình hình vận tải của các doanh nghiệp (năm 2020, 2021)

Năm	Khối lượng Nguyên vật liệu để sản xuất/kinh doanh (1.000 tấn/m <sup>3</sup> )	Địa điểm nhập nguyên vật liệu thường xuyên				Tỷ lệ khối lượng vận chuyển nguyên vật liệu đầu vào					Khối lượng sản phẩm tiêu thụ (1.000 tấn m <sup>3</sup> )	Địa điểm cung cấp sản phẩm thường xuyên hoặc lớn nhất trong năm (kể cả đại lý, kho đầu mối)				Tỷ lệ khối lượng phân phối sản phẩm/ thành phẩm đầu ra đi các nơi				
		Nhập nguyên vật liệu trong nước		Nhập nguyên vật liệu từ nước ngoài		Bộ	Sắt	ĐTND	Biển	Không		Nhập nguyên vật liệu trong nước		Nhập nguyên vật liệu từ nước ngoài		Bộ	Sắt	ĐTND	Biển	Không
		Khối lượng 1.000 tấn m <sup>3</sup>	Tên tỉnh	Khối lượng 1.000 tấn m <sup>3</sup>	Tên cảng biển hoặc sân bay, cửa khẩu (nếu nhập từ nước ngoài)							Khối lượng 1.000 tấn m <sup>3</sup>	Tên tỉnh	Khối lượng 1.000 tấn m <sup>3</sup>	Tên cảng biển hoặc sân bay, cửa khẩu (nếu nhập từ nước ngoài)					
2020																				
2021																				

\*Nếu Doanh nghiệp có nhiều địa điểm sản xuất trong nước, thì khai với hai địa điểm và các thông tin liên quan với địa điểm đó

## 4. Biểu mẫu điều tra vận tải kết nối tại các cảng biển

*Địa điểm điều tra:*

**Bảng 04: Thông tin điều tra điểm đi – đến tại cửa ngõ đường bộ kết nối với cảng biển**

TT	Địa điểm hàng được chở tới cảng/ hoặc sẽ đi đến đâu từ cảng (cửa khẩu, cảng TND, nhà ga, huyện/tỉnh,)	Loại hàng (container, lỏng, khô)*	Khối lượng	Loại phương tiện đường bộ				
				Xe tải < 10 tấn	Xe tải 10 - 18 tấn	Đầu kéo hoặc Xe tải >18 tấn	Xe container 20	Xe container 40
1								
2								
3								
4								

(\*) Để trống nếu xe rỗng